CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 – 9

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Tâm (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng tóm tắt đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Võ Quốc Thắng	Chủ tịch
Ông Võ Văn Khuyến	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Văn An	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Hồng Thắm	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Mai Thị Mộng Thư	Trưởng ban
Ông Trương Tấn Vĩnh	Thành viên
Bà Nguyễn Ngọc Thiên Hương	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Thái Văn Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Miền Trung, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng tóm tắt hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng tóm tắt được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng tóm tắt.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt cho Ban Tổng Giám đốc

M.S.D.N: 1100548578 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM H. BẾN LỨC - T. LONG AN

Nguyễn Văn Hùng
Tổng Giám đốc
Long An, ngày 10 tháng 04 năm 2019

RSM
RSM Vietnam

Chi nhánh Miền Trung
Tầng 3, Số 142 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam
Quận Hải Châu, Tp.Đà Nẵng, Việt Nam

T +84236 363 3334
F +84236 363 3334

www.rsm.com.vn

Số: 53A/BCKT/2019-RSMMT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG TÓM TẮT

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt kèm theo, được lập ngày 30/03/2019, từ trang 05 đến trang 9, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trích từ báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đồng Tâm (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đã được kiểm toán. Chúng tôi đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) này tại Báo cáo kiểm toán lập ngày 10/04/2019. Báo cáo tài chính riêng này và báo cáo tài chính riêng tóm tắt không phản ánh ảnh hưởng của các sự kiện phát sinh sau ngày lập Báo cáo kiểm toán nói trên.

Báo cáo tài chính riêng tóm tắt không bao gồm tất cả các thuyết minh cần phải công bố theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Do đó, việc đọc báo cáo tài chính riêng tóm tắt không thể thay thế cho việc đọc báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt theo các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng tóm tắt dựa trên các thủ tục mà chúng tôi đã thực hiện theo quy định và hướng dẫn của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 810 – "Dịch vụ báo cáo về báo cáo tài chính tóm tắt".

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng tóm tắt - được trích từ báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty Cổ phần Đồng Tâm đã được kiểm toán – đã phản ánh nhất quán, trên các khía cạnh trọng yếu, với báo cáo tài chính riêng (đầy đủ) đã được kiểm toán, phù hợp với các nguyên tắc về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng tóm tắt được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Đồng Tâm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với báo cáo tài chính riêng này tại ngày 30/09/2018.

M.S.C.N:0302361789-002-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM - CHI NHÁNH MIỀN TRUNG
Q. HẢI CHÂU - T.P ĐÀ NẴNG

Trần Dương Nghĩa
Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1309-2018-026-1

Kim Văn Việt
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 1486-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Chi nhánh Miền Trung
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**534.583.795.379**	**767.827.154.046**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**7.979.185.225**	**2.642.556.262**
1. Tiền	111	6.550.939.034	1.283.780.133
2. Các khoản tương đương tiền	112	1.428.246.191	1.358.776.129
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**30.952.915.600**	**-**
1. Chứng khoán kinh doanh	121	42.001.245.804	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	(12.960.810.204)	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	1.912.480.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**385.263.552.288**	**504.365.407.710**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	107.765.863.997	94.736.396.610
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	47.226.996.570	35.440.674.162
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	232.265.330.680	375.579.394.486
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.994.638.959)	(1.391.057.548)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**60.100.246.809**	**260.130.575.443**
1. Hàng tồn kho	141	65.160.466.249	260.130.575.443
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(5.060.219.440)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**50.287.895.457**	**688.614.631**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	50.250.244.295	654.763.469
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	37.651.162	33.851.162
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**1.882.838.326.346**	**2.061.089.135.020**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**10.000.000**	**80.010.000.000**
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	80.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	**220**	**190.303.320.722**	**178.624.366.695**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	168.141.878.078	155.765.079.049
Nguyên giá	222	279.665.168.299	256.066.312.706
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(111.523.290.221)	(100.301.233.657)
2. Tài sản cố định vô hình	227	22.161.442.644	22.859.287.646
Nguyên giá	228	42.715.340.816	42.715.340.816
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(20.553.898.172)	(19.856.053.170)
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**14.448.014.275**	**15.813.286.373**
Nguyên giá	231	19.502.673.766	19.551.183.378
Giá trị hao mòn lũy kế	232	(5.054.659.491)	(3.737.897.005)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**5.707.677.203**	**4.610.472.893**
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.707.677.203	4.610.472.893
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**1.668.740.657.213**	**1.729.635.903.234**
1. Đầu tư vào công ty con	251	1.132.164.345.000	1.234.164.345.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	706.328.268.875	650.226.410.635
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	33.800.000	42.035.045.804
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	(169.785.756.662)	(196.789.898.205)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**	**3.628.656.933**	**52.395.105.825**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	3.628.656.933	52.395.105.825
2. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**	**2.417.422.121.725**	**2.828.916.289.066**

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**1.133.762.688.560**	**1.619.818.577.234**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**732.476.326.106**	**1.030.068.292.313**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	70.837.133.079	29.121.524.359
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23.223.078.725	122.018.809.035
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	69.069.032.840	35.337.849.240
4. Phải trả người lao động	314	1.981.208.020	2.062.507.638
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12.977.652.518	17.079.014.265
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	372.157.629.936	252.656.868.305
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	170.662.260.196	560.223.388.679
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	11.568.330.792	11.568.330.792
II. Nợ dài hạn	**330**	**401.286.362.454**	**589.750.284.921**
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	242.019.035.719	239.540.260.477
2. Phải trả dài hạn khác	337	6.082.748.573	58.607.722.444
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	153.184.578.162	291.602.302.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**1.283.659.433.165**	**1.209.097.711.832**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**1.283.659.433.165**	**1.209.097.711.832**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	680.704.850.000	680.704.850.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	680.704.850.000	680.704.850.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17.362.650.000	17.362.650.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	(10.671.000.000)	(10.671.000.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	40.023.328.836	40.023.328.836
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	556.239.604.329	481.677.882.996
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	379.785.575.496	103.766.604.594
LNST chưa phân phối kỳ này	421b	176.454.028.833	377.911.278.402
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**	**2.417.422.121.725**	**2.828.916.289.066**

Nguyễn Văn Hùng	**Nguyễn Văn Dư**	**Nguyễn Ngọc Lan Phương**
Tổng Giám đốc	**Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng**	**Người lập**

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	748.368.676.328	482.632.364.841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	288.709.680	2.512.361.141
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	748.079.966.648	480.120.003.700
4. Giá vốn hàng bán	11	438.007.202.994	321.679.538.262
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	310.072.763.654	158.440.465.438
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	9.673.964.091	350.924.074.688
7. Chi phí tài chính	22	42.626.682.975	80.902.199.114
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*	*56.638.815.283*	*69.167.877.636*
8. Chi phí bán hàng	25	3.472.323.109	3.771.111.344
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	51.529.163.404	42.762.833.002
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	222.118.558.257	381.928.396.666
11. Thu nhập khác	31	1.647.478.762	409.046.088
12. Chi phí khác	32	4.608.244.302	2.966.913.518
13. Lợi nhuận khác	40	(2.960.765.540)	(2.557.867.430)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	219.157.792.717	379.370.529.236
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42.703.763.884	1.459.250.834
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	176.454.028.833	377.911.278.402

M.S.D.N: 1100548578 - C.T.C.P ★ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG TÂM ★ H. BẾN LỨC - T. LONG AN

Nguyễn Văn Hùng	**Nguyễn Văn Dư**	**Nguyễn Ngọc Lan Phương**
Tổng Giám đốc	**Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng**	**Người lập**

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2019

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**219.157.792.717**	**379.370.529.236**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14.040.323.305	6.256.518.162
Các khoản dự phòng	03	(8.379.530.488)	10.594.183.444
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(155.081.411)	13.391.325
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.214.590.684)	(331.834.770.179)
Chi phí lãi vay và lãi phạt chậm thanh toán	06	58.333.625.400	69.167.877.636
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**272.782.538.839**	**133.567.729.624**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	319.824.252.233	(253.897.817.306)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	195.800.629.151	(14.700.128.271)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(64.217.086.552)	164.715.749.221
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.485.812.493)	123.844.922.317
Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	9.727.200.759
Tiền lãi vay đã trả	14	(72.465.370.762)	(84.167.491.232)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.957.967.799)	(19.187.718.259)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**648.281.182.617**	**59.902.446.853**
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(17.009.064.410)	(102.524.691.507)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	708.523.635	90.909.091
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(101.912.480.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, thu từ hợp đồng hợp hợp tác kinh doanh và hợp đồng hợp tác đầu tư	24	100.000.000.000	103.450.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(120.500.000.000)	(91.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.380.000.000	-
7. Nhận tiền tạm ứng chuyển nhượng Công ty con	26	-	(45.000.000.000)
8. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48.879.449.242	2.015.479.127
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(80.453.571.533)**	**(133.468.303.289)**
1. Tiền thu từ đi vay	33	648.249.894.118	372.877.171.862
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.176.228.746.439)	(266.559.625.676)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(34.512.129.800)	(50.753.185.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(562.490.982.121)**	**55.564.360.586**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	**50**	**5.336.628.963**	**(18.001.495.850)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**2.642.556.262**	**20.644.052.112**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	**70**	**7.979.185.225**	**2.642.556.262**

Mẫu số B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

Các giao dịch phi tiền tệ		Năm 2018	Năm 2017
1 Cấn trừ cổ tức phải thu Công ty con với:			-
- Khoản vay từ Công ty con		-	*135.184.000.000*
- Khoản phải trả Công ty con về mua hàng hoá		-	*21.439.033.400*
- Chi phí lãi vay phải trả Công ty con			-
2 Cấn trừ phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ từ Công ty con với khoản vay từ Công ty con		111.336.047.284	126.296.855.507
3 Cấn trừ khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh với khoản phải trả mua hàng hoá của Công ty Cổ phần Đồng Tâm Miền Trung		-	117.082.500.436
4 Chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chưa được thanh toán		-	7.332.927.327
5 Chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang chưa được thanh toán		-	3.641.311.623
6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh nhưng chưa được thanh toán		14.338.764.179	4.031.766.600
7 Mua sắm tài sản cố định nhưng chưa được thanh toán		-	1.821.395.913
8 Cấn trừ lãi thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với phải trả về mua dịch vụ của Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đồng Tâm		-	1.900.739.494
9 Cấn trừ lãi thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với chi phí lãi vay của Công ty Cổ phần Đồng Tâm Miền Trung		-	1.365.434.224

Nguyễn Văn Hùng	**Nguyễn Văn Dư**	**Nguyễn Ngọc Lan Phương**
Tổng Giám đốc	**Giám đốc tài chính**	**Người lập**
	kiêm Kế toán trưởng	

Long An, ngày 30 tháng 03 năm 2019